

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/DS-PT

Ngày 14/5/2020

V/v yêu cầu chia tài sản chung,
chia di sản thừa kế và thanh
toán nợ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuệ

Các Thẩm phán: Ông Chu Long Kiếm

Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Hồng Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2020/TLPT-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020 về yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế và thanh toán nợ.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 46/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lộc Thị N; địa chỉ: Thôn N xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn T; địa chỉ: Thôn N xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

1. Bà Lộc Thị P, địa chỉ: Thôn N xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lộc Thị P: Chị Hoàng Thị B; địa chỉ: Số xx khu N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Chị Hoàng Thị N, địa chỉ: Thôn K, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Chị Lăng Thị T, địa chỉ: Thôn N xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Chị Hoàng Thị L, địa chỉ: Số xx, đường M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội, có mặt.

5. Chị Hoàng Thị Kim O, địa chỉ: Thôn N xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

6. Chị Hoàng Thị H, địa chỉ: Thôn N xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

7. Ông Lộc Văn S, địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

8. Bà Lộc Thị P, địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

9. Ông Lộc Văn V; địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

10. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn, người đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Văn H - Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện L, tỉnh Lạng Sơn (theo giấy ủy quyền số 3393/QĐ-UBND ngày 08/7/2019), vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

11. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh huyện L, tỉnh Lạng Sơn, người đại diện theo ủy quyền ông Lê Nguyên N - Phó Giám đốc phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện L, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo*: Bà Lộc Thị N là nguyên đơn, bà Lộc Thị P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Hoàng Văn S chung sống với bà Lộc Thị N từ năm 1995 đến ngày 13/11/2002 đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Ông bà sinh được 03 người con gái là Hoàng Thị L, sinh năm 1995; Hoàng Thị H, sinh năm 1996; Hoàng Thị Kim O, sinh năm 1998. Trước đó, ông Hoàng Văn S đã có vợ và hai người con riêng là Hoàng Thị N, sinh năm 1987; Hoàng Văn T, sinh năm 1989. Năm 2011, ông Hoàng Văn S qua đời, không để lại di chúc.

Nguyên đơn bà Lộc Thị N khởi kiện Tòa án yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, sau đó chia thừa kế phần tài sản của ông Hoàng Văn S theo quy định của pháp luật cho những người được quyền thừa kế của ông Hoàng Văn S gồm mẹ đẻ là bà Lộc Thị P, vợ là bà Lộc Thị N, các con gồm Hoàng Văn T, Hoàng Thị N, Hoàng Thị L, Hoàng Thị H và Hoàng Thị Kim O (bố ông Hoàng Văn S là

ông Hoàng Minh P đã qua đời năm 2009). Khối tài sản bà Lộc Thị N yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế gồm:

1. Đất ở: Diện tích: 406,0 m² thuộc thửa đất số 300, tờ bản đồ số 58 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn S từ năm 2000, cấp lại cho hộ ông Hoàng Văn S và Lộc Thị N vào ngày 02 tháng 11 năm 2012.

2. Đất trồng lúa gồm 12 thửa: Tất cả các thửa đất trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn S từ năm 2000, cấp lại cho ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N vào ngày 02 tháng 11 năm 2012, gồm các thửa:

- Thửa đất số 280, tờ bản đồ số 58, diện tích 437m²
- Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 58, diện tích 761m²
- Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 58, diện tích 391m²
- Thửa đất số 03 tờ bản đồ số 68, diện tích 159m²
- Thửa đất số 172, tờ bản đồ số 67, diện tích 191m²
- Thửa đất số 183, tờ bản đồ số 67, có diện tích 779m²
- Thửa đất số 186, tờ bản đồ số 67, diện tích 508m²
- Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 67, diện tích 161m²
- Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 67, diện tích 234m²
- Thửa đất số 237, tờ bản đồ số 67, diện tích 750m²
- Thửa đất số: 05, tờ bản đồ số 68, diện tích 283m²
- Thửa đất số 06, tờ bản đồ số 68, diện tích 682m²

3. Đất trồng cây hàng năm gồm 15 thửa: Tất cả các thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn S từ năm 2000, cấp lại cho hộ ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N vào ngày 02 tháng 11 năm 2012; gồm các thửa:

- Thửa đất số 165, tờ bản đồ số 67, diện tích 63m²
- Thửa đất số 166, tờ bản đồ số 67, diện tích 58m²
- Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 67, diện tích 47m²
- Thửa đất số 306, tờ bản đồ số 58, diện tích 123m²
- Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 67, diện tích 241m²
- Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 67, diện tích 67m²
- Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 67, diện tích 158m²
- Thửa đất số 164, tờ bản đồ số 67, diện tích 45m²
- Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 58, diện tích 416m²
- Thửa đất số 224, tờ bản đồ số 67, diện tích 111m²
- Thửa đất số 208, tờ bản đồ số 67, diện tích 145m²
- Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 67, diện tích 145m²
- Thửa đất số 208, tờ bản đồ số 58, diện tích 756m²
- Thửa đất số 209, tờ bản đồ số 58, diện tích 103m²
- Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 58, diện tích 442m²

4. Đất trồng cây lâu năm: Tất cả các thửa đất này được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn S từ năm 2000, cấp lại cho ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N vào ngày 02 tháng 11 năm 2012, gồm các thửa:

- Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 67, diện tích 819m²
- Thửa đất số 289, tờ bản đồ số 58, diện tích 373m²
- Thửa đất số 299, tờ bản đồ số 58, diện tích 377m²

5. Đất nuôi trồng thủy sản: Thửa đất số 277, tờ bản đồ số 58, diện tích 250m² được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn S từ năm 2000, cấp lại cho ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N vào ngày 02 tháng 11 năm 2012.

6. Đất rừng: Gồm 07 mảnh đất rừng gồm:

- Rừng L, tại thôn N xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, diện tích khoảng 3.000m², có khoảng 300 cây thông ở độ tuổi khai thác
- Rừng T, tại thôn N xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, diện tích khoảng 300m², với khoảng 30 cây thông ở độ tuổi khai thác
- Rừng N, diện tích khoảng 800m², với khoảng 100 cây thông ở độ tuổi khai thác
- Rừng L1, diện tích khoảng 1.000m², với khoảng 150 cây thông tuổi khai thác
- Rừng P, diện tích khoảng 500m², với khoảng 50 cây thông tuổi khai thác
- Rừng P1, diện tích khoảng 1.000m², không có cây để khai thác
- Rừng N1, diện tích khoảng 300m², với khoảng 50 cây thông ở độ tuổi khai thác

Những tài sản trên có nguồn gốc là của ông bà để lại, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Hoàng Văn S, đến năm 2012, ông Hoàng Văn S tự nguyện kê khai để cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N. Riêng các thửa đất rừng, từ khi về làm dâu, bà cùng ông Hoàng Văn S quản lý, sử dụng, năm 2011 ông Hoàng Văn S chết, một mình bà Lộc Thị N đứng ra quản lý, canh tác, khai thác. Quá trình quản lý, sử dụng bà Lộc Thị N có trồng dặm khoảng 300 cây thông trên đất, là những cây thông hiện nay đường kính 10cm.

Ngoài yêu cầu chia tài sản chung, chia thừa kế số tài sản trên, bà Lộc Thị N còn yêu cầu thanh toán nợ chung, yêu cầu anh Hoàng Văn T có trách nhiệm trả nợ đối với số nợ của gia đình gồm:

- Khoản vay 16.500.000 đồng từ chương trình vay sinh viên, tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện L, mục đích vay để nộp học phí trong thời gian Hoàng Văn T học tại Hà Nội.

- Khoản vay 12.000.000 đồng tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện L, mục đích mua chiếc xe máy hiện đang đứng tên Hoàng Văn T và Hoàng Văn T đang sử dụng.

- Khoản vay 17.000.000 đồng từ hộ hàng, mục đích vay để tổ chức đám cưới cho Hoàng Văn T, cụ thể: Vay bác Lộc Thị P 9.000.000 đồng; vay cậu Lộc Văn S, Lộc Văn V mỗi người 4.000.000 đồng.

Bị đơn anh Hoàng Văn T trình bày: Toàn bộ tài sản tranh chấp đều do ông cha để lại chưa chia cho các con. Khi bà Lộc Thị N về làm dâu thì khối tài sản

này đã được hình thành, đã được đứng tên ông Hoàng Văn S, việc cho ông Hoàng Văn S đứng tên là để thay mặt gia đình quản lý tài sản chứ không phải chia tài sản cho ông Hoàng Văn S. Ông Hoàng Văn S tự kê khai chuyển đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N gia đình không được biết. Do đó, bà Lộc Thị N xác định đây là tài sản chung của bà Lộc Thị N và ông Hoàng Văn S để yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế của ông Hoàng Văn S là không có căn cứ. Nay bị đơn anh Hoàng Văn T yêu cầu hủy toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N.

Ý kiến của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

Chị Hoàng Thị L, Hoàng Thị H và Hoàng Thị Kim O đều nhất trí với quan điểm của bà Lộc Thị N, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Lộc Thị N.

Bà Lộc Thị P, chị Hoàng Thị N đều nhất trí với quan điểm của anh Hoàng Văn T, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Văn T

Chị Lăng Thị T trình bày: Chị là con dâu của ông Hoàng Văn S, đối với phần tài sản của ông Hoàng Văn S chị không có ý kiến gì, tuy nhiên đối với ngôi nhà 02 tầng, tháng 10 năm 2018 chị và anh Hoàng Văn T tiến hành tu sửa hết chi phí 80.000.000 đồng. Nay bà Lộc Thị N yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế chị có ý kiến, chị với anh Hoàng Văn T yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu ngôi nhà chính, vì vợ chồng chị hiện nay vẫn đang ở và đang nuôi con nhỏ cùng bà Lộc Thị P.

Ngân hàng chính sách xã hội huyện L, bà Lộc Thị P, Lộc Văn V, Lộc Văn S đều thống nhất chốt số tiền nợ như đã nêu trên và yêu cầu gia đình có trách nhiệm thanh toán nợ.

Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Tất cả các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N đều cấp đúng đối tượng sử dụng đất, đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại thời điểm hiện hành, đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn quyết định: Căn cứ các Điều 33, 34, 35 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, 99, 100 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 34, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26; điểm e khoản 5; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

I. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự bà Lộc Thị N; anh Hoàng Văn T; bà Lộc Thị P; chị Hoàng Thị N; chị Hoàng Thị L; chị Hoàng Thị H; chị Hoàng Thị Kim O; chị Hoàng Thị B cùng người đại diện theo ủy quyền là ông

Phạm Gia H; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh Hoàng Văn T - Luật sư Đặng Cao C. Sự thỏa thuận cụ thể như sau:

1- Đất ở: Thửa đất số 300, tờ bản đồ số 58 bản đồ địa chính xã H đo vẽ năm 2010 đã được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hoàng Văn S và Lộc Thị N, địa chỉ tại thôn N xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào năm 2012 diện tích 406m². Các bên được quyền quản lý, sử dụng như sau:

- Anh Hoàng Văn T được quyền quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất gồm: Nhà số 1 nhà ở chính xây dựng năm 1996, nhà 2 tầng xây bằng gạch chỉ có diện tích 55,3m²; sân bên hông sau nhà chính diện tích 5,5m²; một phần sân bê tông trước nhà chính tính từ mép sân phía trước (phần giáp đường bê tông phía trước nhà) kéo dài dọc theo mép sân về phía nhà bà Lộc Thị N 10,45m và kéo vuông góc theo hướng đầu hồi nhà, cách tường đầu hồi nhà bà Lộc Thị N 20cm, có tổng diện tích sân trước là 42m²; nhà tắm 2 diện tích 4,2m²; bậc tam cấp lên nhà tắm 2 diện tích 0,56m². Tổng diện tích anh Hoàng Văn T được quyền quản lý, sử dụng (bao gồm nhà, bậc tam cấp, sân phía trước và đất trống phía sau nhà) là 106m². Tổng giá trị đất và tài sản trên đất anh Hoàng Văn T được quản lý, sử dụng đối với thửa đất này là 64.986.077 đồng.

- Bà Lộc Thị N được quyền quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất gồm: Nhà ở số 2 nhà cấp 4, xây dựng năm 2003 xây bằng gạch nung, diện tích 28m²; nhà kho xây dựng năm 2007, loại nhà 3E có diện tích 19,93m²; nhà tắm xây dựng năm 2007 diện tích 3,51m²; giếng nước diện tích 18m²; chuồng gà xây dựng năm 2007 diện tích 20,16m²; một phần sân phía trước tính từ điểm mốc 10,45m kéo dọc về hết phần đất mà Lộc Thị N, có tổng diện tích sân trước là 32m². Tổng diện tích đất bà Lộc Thị N được quyền quản lý, sử dụng (bao gồm cả nhà, kho, chuồng gà, công trình phụ, giếng nước, sân trước và đất trống phía sau nhà) là 256m². Tổng giá trị đất và tài sản trên đất bà Lộc Thị N được quản lý, sử dụng đối với thửa đất này 55.691.977 đồng.

Bậc tam cấp giữa hai nhà có chiều rộng 01 (một) mét, anh Hoàng Văn T được quyền quản lý sử dụng và có trách nhiệm cắt một phần cách tường nhà bà Lộc Thị N 20cm không để cầu thang đè lên đầu hồi nhà bà Lộc Thị N và xây lan can cầu thang không để nước mưa bắn vào cửa sổ nhà bà Lộc Thị N. Kinh phí do anh Hoàng Văn T tự chi trả, thời gian thực hiện trong vòng 02 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đất trồng cây lâu năm: Anh Hoàng Văn T được quyền quản lý sử dụng: Thửa đất số 299, tờ bản đồ số 58 bản đồ địa chính xã H, có diện tích 377m² tại thôn N xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Tài sản trên đất gồm: 01 ngôi đất xây dựng năm 2003 có diện tích 18,81m²; nhà đất số 2 xây dựng năm 2003 có diện tích 21,6m². Tổng giá trị đất và tài sản trên đất anh Hoàng Văn T được quản lý, sử dụng là 59.845.061 đồng.

3. Đất trồng lúa

*/ Bà Lộc Thị N được quyền quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất đối với các thửa:

- Thửa đất số 280, tờ bản đồ số 58, diện tích 437m², hiện nay trên đất đang trồng ngô. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 26.438.000 đồng.

- Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 58, diện tích 761m², hiện nay trên đất đang trồng hoa màu. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 46.801.500 đồng.

- Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 58, diện tích 391m², hiện nay trên đất đang trồng ngô. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 23.655.500 đồng.

- Thửa đất số 05, tờ bản đồ số 68, diện tích 283m², có giá trị là 11.886.000 đồng.

- Thửa đất số 06, tờ bản đồ số 68, diện tích 682m², có giá trị là 36.000.000 đồng.

- Thửa đất số 03 tờ bản đồ số 68, diện tích 159m², có giá trị 6.678.000 đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất bà Lộc Thị N được quyền quản lý, sử dụng là 26.438.000 đồng + 46.801.500 đồng + 23.655.500 đồng + 11.886.000 đồng + 36.000.000 đồng + 6.678.000 đồng = 151.459.000 đồng. Các thửa đất trên đều có địa chỉ tại thôn N xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

*/ Anh Hoàng Văn T được quyền quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất đối với các thửa:

- Thửa đất số 172, tờ bản đồ số 67, diện tích 191m², hiện nay trên đất đang trồng lạc. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 10.791.500 đồng.

- Thửa đất số 183, tờ bản đồ số 67, có diện tích 779m², hiện nay trên đất đang trồng lạc. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 44.013.500 đồng.

- Thửa đất số 186, tờ bản đồ số 67, diện tích 508m², hiện nay trên đất đang trồng lạc. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 28.702.000 đồng.

- Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 67, diện tích 161m², có giá trị 8.694.000 đồng.

- Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 67, diện tích 234m², có giá trị 12.636.000 đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất anh Hoàng Văn T được quyền quản lý, sử dụng là 10.791.500 đồng + 44.013.500 đồng + 28.702.000 đồng + 8.694.000 đồng + 12.636.000 đồng = 104.837.000 đồng. Các thửa đất trên đều có địa chỉ tại Thôn N xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

4. Đất trồng cây hàng năm

*/ Bà Lộc Thị N được quyền quản lý, sử dụng các thửa đất và tài sản trên đất gồm:

- Thửa đất số 208, tờ bản đồ số 67, bản đồ địa chính xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, diện tích 145m², có giá trị 6.090.000 đồng.

- Thửa đất số 209, tờ bản đồ số 58, diện tích 103m² có giá trị 4.944.000 đồng.

- Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 58, diện tích 442m². Tài sản trên đất có 04 cây vải thiều. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 24.880.000 đồng.

Tổng giá trị đất trồng cây hàng năm và tài sản trên đất bà Lộc Thị N được quyền quản lý, sử dụng là 6.090.000 đồng + 4.944.000 đồng + 24.880.000 đồng = 35.914.000 đồng. Các thửa đất trên đều có địa chỉ tại Thôn N xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

*/ Anh Hoàng Văn T được quyền quản lý, sử dụng các thửa đất và tài sản trên đất gồm:

- Thửa đất số 165, tờ bản đồ số 67, bản đồ địa chính xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, diện tích 63m² có giá trị là 2.646.000 đồng. Không có tài sản trên đất.

- Thửa đất số 166, tờ bản đồ số 67, diện tích 58m² có giá trị là 2.436.000 đồng.

- Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 67, diện tích 47m² có giá trị là 1.974.000 đồng.
- Thửa đất số 306, tờ bản đồ số 58, diện tích 123m² có giá trị là 5.904.000 đồng.
- Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 67, diện tích 241m² có giá trị là 11.568.000 đồng.
- Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 67, diện tích 67m² có giá trị là 3.216.000 đồng.
- Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 67, diện tích 158m² có giá trị là 7.584.000 đồng.
- Thửa đất số 164, tờ bản đồ số 67, diện tích 45m² có giá trị là 1.890.000 đồng.
- Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 58, diện tích 416m² có giá trị là 19.968.000 đồng.
- Thửa đất số 224, tờ bản đồ số 67, diện tích 111m² có giá trị là 4.662.000 đồng.
- Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 67, diện tích 145m² có giá trị là 6.090.000 đồng.
- Thửa đất số 208, tờ bản đồ số 58, diện tích 756m² có giá trị là 36.288.000 đồng.

Tổng giá trị đất trồng cây hàng năm và tài sản trên đất mà anh Hoàng Văn T được quyền quản lý, sử dụng là 2.646.000 đồng + 2.436.000 đồng + 1.974.000 đồng + 5.904.000 đồng + 11.568.000 đồng + 3.216.000 đồng + 7.584.000 đồng + 1.890.000 đồng + 19.968.000 đồng + 4.662.000 đồng + 6.090.000 đồng + 36.288.000 đồng = 104.226.000 đồng. Các thửa đất trên đều có địa chỉ tại thôn N xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

5. Đất lâm nghiệp: Anh Hoàng Văn T được quyền quản lý, sử dụng các thửa đất và tài sản trên đất gồm:

- Rừng L1 (đương sự gọi là Rừng N1) thửa số 445, diện tích 525m² tờ bản đồ số 03, bản đồ đất lâm nghiệp xã H, đất có giá trị là 3.675.000 đồng. Tài sản trên đất (thông) có tổng giá trị 2.241.000 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 3.675.000 đồng + 2.241.000 đồng = 5.916.000 đồng.

- Rừng L2 (đương sự gọi là Rừng N) thuộc thửa đất số 532 tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp, diện tích 2050m², có giá trị là 14.350.000 đồng. Tài sản trên đất (thông) có giá trị 4.920.000 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 14.350.000 đồng + 4.920.000 đồng = 19.270.000 đồng.

- Rừng P (đương sự gọi là rừng P) thuộc thửa đất số 633, tờ bản đồ số 03, đất có giá trị 6.256.000 đồng. Tài sản trên đất (thông) có tổng giá trị là 2.125.000 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 6.256.000 đồng + 2.125.000 đồng = 8.381.000 đồng.

- Rừng T thuộc thửa đất số 121, tờ bản đồ số 04, diện tích 340,7m² đất có giá trị 2.384.900 đồng. Tài sản trên đất (thông) có tổng giá trị 1.613.000 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 2.384.900 đồng + 1.613.000 đồng = 3.997.900 đồng.

- Rừng P1, thửa đất 115, tờ bản đồ số 04, diện tích 7.390m² đất có giá trị là 51.730.000 đồng. Tài sản trên đất (thông, bạch đàn) có tổng giá trị là 3.390.000 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 51.730.000 đồng + 3.390.000 đồng = 55.120.000 đồng.

Tổng giá trị đất lâm nghiệp và tài sản trên đất anh Hoàng Văn T được quyền quản lý, sử dụng là: 5.916.000 đồng + 19.270.000 đồng + 8.381.000 đồng + 3.997.900 đồng + 55.120.000 đồng = 92.684.900 đồng.

6. Nghĩa vụ thanh toán nợ chung

Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Lộc Thị N và anh Hoàng Văn T đối với

khoản vay 17.000.000 đồng tổ chức đám cưới cho anh Hoàng Văn T: Bà Lộc Thị N và anh Hoàng Văn T mỗi người có nghĩa vụ trả một $\frac{1}{2}$ với số tiền là 8.500.000 đồng cho bà cho bà Lộc Thị P, ông Lộc Văn S và ông Lộc Văn V.

II. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế của bà Lộc Thị N, nhưng không chấp nhận yêu cầu được quản lý, sử dụng của bà Lộc Thị N. Giao cho anh Hoàng Văn T được quyền quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 67, bản đồ địa chính xã H, diện tích 819m², tổng giá trị đất và tài sản trên đất của thửa số 46 là 41.097.000 đồng và thửa đất số 237, tờ bản đồ số 67, bản đồ địa chính xã H, diện tích 750m² trị giá 36.000.000 đồng. Cả hai thửa đất trên đều có địa chỉ tại thôn N xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Tổng giá trị tài sản các thửa đất này là 41.097.000 đồng + 36.000.000 đồng = 77.097.000 đồng. Anh Hoàng Văn T phải thanh toán cho bà Lộc Thị N 50% giá trị tài sản chung là 77.097.000 đồng ÷ 2 = 38.548.500 đồng. Phần di sản thừa kế còn lại của ông Hoàng Văn S, anh Hoàng Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lộc Thị N 04 suất thừa kế là 5.506.900 đồng/1 suất x 4 = 22.027.600 đồng.

III. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế và yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng của bà Lộc Thị N. Giao cho bà Lộc Thị N được quyền quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất đối với các thửa đất số 289, tờ bản đồ số 58, bản đồ địa chính xã H, diện tích 373m²; tổng giá trị đất, tài sản trên đất của thửa đất 289 là 32.145.000 đồng và thửa đất số 277, tờ bản đồ số 58, diện tích 250m² trị giá 9.000.000 đồng. Hai thửa đất trên đều có địa chỉ tại thôn N xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Tổng giá trị hai thửa đất là 41.145.000 đồng, bà Lộc Thị N được hưởng 50% giá trị tài sản chung là 20.572.500 đồng. Phần di sản còn lại của ông Hoàng Văn S, bà Lộc Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho anh Hoàng Văn T 03 suất thừa kế (gồm anh Hoàng Văn T, bà Lộc Thị P, chị Hoàng Thị N) là 2.938.928 đồng/ 1 suất x 03 suất = 8.816.784 đồng.

IV. Đối với đất lâm nghiệp

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lộc Thị N, giao cho bà Lộc Thị N được quyền quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất đối với đất rừng L1 (đương sự gọi là L) thuộc thửa số 479, diện tích 3987,5m² tờ bản đồ số 03, bản đồ lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Tổng giá trị tài sản là 33.512.000 đồng, bà Lộc Thị N được hưởng 50% tài sản chung là 16.756.000 đồng. Phần còn lại chia di sản thừa kế, bà Lộc Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho anh Hoàng Văn T 03 suất thừa kế (gồm anh Hoàng Văn T, bà Lộc Thị P, chị Hoàng Thị N) 2.393.714 đồng/1 suất x 03 suất = 7.181.142 đồng.

2. Đất rừng tại L3 (đương sự gọi là L), thuộc thửa đất số 652, tờ bản đồ số 03, bản đồ đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, diện tích 16.806m² có địa chỉ tại thôn N xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Bác yêu cầu của bà Lộc Thị N về chia tài sản chung và chia di sản thừa kế. Giao diện tích đất này cho anh Hoàng Văn T quản lý sử dụng và anh Hoàng Văn T có trách nhiệm thanh toán

tiền cây và công sức đóng góp cho bà Lộc Thị N tổng số tiền là 21.000.000 + 27.900.000 đồng = 48.900.000 đồng.

V. Về nợ chung: Bác yêu cầu của bà Lộc Thị N yêu cầu anh Hoàng Văn T có nghĩa vụ thanh toán nợ chung. Buộc bà Lộc Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội, chi nhánh huyện L, tỉnh Lạng Sơn số tiền 28.500.000 đồng. Trong đó khoản vay chương trình học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn số tiền 16.500.000 đồng và khoản vay chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn số tiền 12.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ chậm trả, án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, bà Lộc Thị N là nguyên đơn, bà Lộc Thị P là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều kháng cáo với nội dung:

1. Bà Lộc Thị N kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu

- Phân chia lại 07 thửa đất rừng của gia đình; yêu cầu được quản lý sử dụng thửa đất số 652, tờ bản đồ số 03; thửa đất 479, tờ bản đồ số 03 rừng Lục Khoang; 05 thửa đất còn lại giao cho Hoàng Văn T quản lý sử dụng.

- Đối với các thửa đất rừng giao cho Hoàng Văn T quản lý sử dụng, đề nghị cấp phúc thẩm tính công sức quản lý đóng góp bảo vệ từ năm 1995 đến năm 2019

- Phân chia lại 12 thửa đất trồng lúa nước của gia đình, yêu cầu được quản lý sử dụng các thửa đất 280, 281, 308 tờ bản đồ số 58; thửa đất số 06, 03, 05 tờ bản đồ số 68; thửa đất số 237 tờ bản đồ số 67. Giao cho anh Hoàng Văn T quản lý sử dụng các thửa đất số 172, 183, 186, 111, 131 tờ bản đồ số 67.

- Yêu cầu quản lý sử dụng toàn bộ thửa đất số 46 tờ bản đồ số 67, diện tích 819m² và sẽ thanh toán phần giá trị tài sản cho các bên liên quan.

- Yêu cầu được quản lý thửa đất 289 tờ bản đồ số 58 và giao thửa đất 299 tờ bản đồ số 58 cho anh Hoàng Văn T quản lý sử dụng.

- Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho bà một phần tài sản chung có giá trị 28.500.000 đồng để trả nợ khoản vay Ngân hàng chính sách xã hội chung cho gia đình.

2. Bà Lộc Thị P kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu

- Thu hồi toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N.

- Yêu cầu được quản lý độc lập toàn bộ các thửa đất sau:

+ Thửa đất số 575, tờ bản đồ số 01, đất lâm nghiệp diện tích khoảng 7.900m² với khoảng 780 cây thông trên đất gồm các loại rừng: Rừng L3 (L), diện tích khoảng 3.000m² có khoảng 300 cây thông đến tuổi khai thác; Rừng T, diện tích khoảng 300 m² có khoảng 30 cây thông đến tuổi khai thác; Rừng L1 (N1) diện tích khoảng 800m² có khoảng 100 cây thông tuổi khai thác; Rừng L1 (N2)

diện tích khoảng 300m² có khoảng 50 cây thông; Rừng P (P) diện tích khoảng 500m² có 50 cây thông tuổi khai thác; Rừng P1, diện tích khoảng 1.000m² không có cây thông; Rừng L3 (L2) diện tích 1.000m² có khoảng 50 cây thông tuổi khai thác.

+ Đất trồng lúa gồm các thửa: Thửa đất số 03 tờ bản đồ số 68, diện tích 159m²; Thửa đất số 172, tờ bản đồ số 67, diện tích 191m²; Thửa đất số 237, tờ bản đồ số 67, diện tích 750m²; Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 67, diện tích 161m²; Thửa đất số 183, tờ bản đồ số 67, có diện tích 779m², Thửa đất số 186, tờ bản đồ số 67, diện tích 508m²; Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 67, diện tích 234m²; Thửa đất số 05, tờ bản đồ số 68, diện tích 283m²; Thửa đất số 06, tờ bản đồ số 68, diện tích 682m²

+ Đất vườn trồng cây hàng năm gồm các thửa: Thửa đất số 208, tờ bản đồ số 58, diện tích 756m²; Thửa đất số 209, tờ bản đồ số 58, diện tích 103m²; Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 58, diện tích 442m²; Thửa đất số 165, tờ bản đồ số 67, diện tích 63m²; Thửa đất số 166, tờ bản đồ số 67, diện tích 58m²; Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 67, diện tích 47m²; Thửa đất số 306, tờ bản đồ số 58, diện tích 123m²; Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 67, diện tích 241m²; Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 67, diện tích 67m²; Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 67, diện tích 158m²; Thửa đất số 164, tờ bản đồ số 67, diện tích 45m²; Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 58, diện tích 416m²; Thửa đất số 224, tờ bản đồ số 67, diện tích 111m²; Thửa đất số 208, tờ bản đồ số 67, diện tích 145m²; Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 67, diện tích 145m².

+ Đất trồng vườn trồng cây lâu năm: Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 67, diện tích 819m²; Thửa đất số 289, tờ bản đồ số 58, diện tích 373m²; Thửa đất số 299, tờ bản đồ số 58, diện tích 377m².

+ Đất nuôi trồng thủy sản: Thửa đất 277, tờ bản đồ số 58, diện tích 250m²

- Yêu cầu bà Lộc Thị N chia lại thừa kế cho các con của bà Lộc Thị N và ông Hoàng Văn S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lộc Thị N, bà Lộc Thị P giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm như sau:

1. Vi phạm về thủ tục tố tụng

Vụ án được xét xử sơ thẩm ngày 31/10/2019 và được Hội đồng xét xử tạm

ngừng phiên tòa để thu thập tài liệu chứng cứ nhưng Hội đồng xét xử không ban hành Quyết định tạm ngừng phiên tòa là vi phạm Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Theo tài liệu hồ sơ xác định bà Lộc Thị P (sinh năm 1945) là người không nghe, không nói được tiếng Việt nhưng Tòa án sơ thẩm không yêu cầu người phiên dịch cho bà Lộc Thị P mà để người đại diện theo ủy quyền của bà Lộc Thị P (là ông Phạm Gia H) tiến hành phiên dịch cho bà Lộc Thị P trong suốt quá trình giải quyết vụ án là vi phạm khoản 2 Điều 52 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Xác định tài sản chung, di sản thừa kế và người thừa kế không đúng quy định pháp luật

Tại phiên tòa, các đương sự thừa nhận phần lớn tài sản có nguồn gốc là của ông cha để lại, cụ thể là của ông Hoàng Minh P và bà Lộc Thị P (bố mẹ của ông Hoàng Văn S), bà Lộc Thị N chỉ có 03 thửa đất là thửa 280; 281 và 308 thuộc tờ bản đồ 58, bản đồ địa chính xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Tài sản được chia thừa kế có nguồn gốc ông cha và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp mang tên hộ ông Hoàng Văn S (theo Sổ hộ khẩu thời điểm năm 2006, do bà Lộc Thị N cung cấp bao gồm ông Hoàng Minh P, bà Lộc Thị P, ông Hoàng Văn S, bà Lộc Thị N, chị Hoàng Thị B và 05 người con của ông Hoàng Văn S) Tòa án sơ thẩm chưa xác định chị Hoàng Thị B (con ông Hoàng Minh P và bà Lộc Thị P) là người thừa kế của ông Hoàng Minh P để xem xét giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, chị Hoàng Thị B trình bày do chị không được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập tham gia, có ý kiến việc giải quyết vụ án nên ảnh hưởng đến quyền lợi của chị và yêu cầu được chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với khối di sản trên.

Tòa án sơ thẩm cũng chưa thu thập tài liệu để xác định rõ tài sản nào là tài sản chung của vợ chồng ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N, tài sản nào là di sản thừa kế của ông Hoàng Văn S và ông Hoàng Minh P nhưng đã chia di sản và công nhận sự thỏa thuận của bà Lộc Thị N và anh Hoàng Văn T về việc chia di sản thừa kế là không đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

3. Vi phạm trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo, bà Lộc Thị N cung cấp bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 575 tờ bản đồ số 01 bản đồ đất lâm nghiệp có diện tích 8.000m² đất cấp cho ông Hoàng Văn S ngày 14/11/2000 (tại bút lục 20). Đồng thời bà Lộc Thị N còn yêu cầu chia tài sản chung là 03 thửa đất ruộng diện tích khoảng 04 sào mà bà và ông Hoàng Văn S tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân theo Văn tự nhượng bán ruộng ngày 29/4/2004 thể hiện đất mua là thửa 362 có diện tích 647m² xứ ruộng N (tại bút lục 319). Với những tài sản nêu trên, chưa được Tòa án sơ thẩm xác minh thu thập chứng cứ làm rõ tài sản này hiện nay ở đâu, ai là người đang quản lý, sử dụng? Có phải là tài sản do ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N tạo lập trước đó hay không?

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lộc Thị N cho rằng thửa đất 575 tờ bản đồ số 01 bản đồ đất lâm nghiệp có diện tích 8.000m² đất cấp cho ông Hoàng Văn S ngày 14/11/2000 là thửa đất Rừng L2 còn anh Hoàng Văn T cho rằng đó là thửa đất Rừng P1, nội dung này có mâu thuẫn về địa danh, diện tích đất rừng cũng như nguồn gốc thửa đất mà cấp phúc thẩm không thể làm rõ tại phiên tòa.

Về 07 thửa đất rừng: Bản án sơ thẩm nhận định những thửa đất đều quy chủ tên ông Hoàng Văn S và có nguồn gốc là đất ông cha để lại nhưng không thu thập tài liệu của cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai để xác định rõ nguồn gốc thửa đất là vi phạm Điều 97, Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/8/2019 đã xác định những thửa 121; 445; 479; 532; 633 đều có sự chồng lấn sang đất của những người giáp ranh liền kề là các hộ Triệu Văn B, Triệu Văn L, Triệu Thị L, Dương Thị P nhưng Tòa án sơ thẩm không xác định và đưa những người này tham gia tố tụng với tư cách những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để xem xét giải quyết là vi phạm khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ảnh hưởng đến quyền lợi của những chủ sử dụng đất nêu trên.

Bản án công nhận sự thỏa thuận của bà Lộc Thị N và anh Hoàng Văn T chia nhau quản lý sử dụng thửa đất 300 có diện tích 406m² trên đất có tài sản là nhà ở và các công trình phụ trên đất nhưng Tòa án sơ thẩm không tiến hành xem xét lại thực địa diện tích đất đã chia cho các bên, trên sơ họa không có số liệu đo đạc thực tế và sơ đồ phân chia cụ thể diện tích đất tranh chấp cho mỗi bên mà chỉ thể hiện diện tích khu đất tranh chấp. Đối với thửa đất rừng 121 và 652 có xem xét thẩm định nhưng không thực hiện vẽ sơ họa thửa đất tranh chấp kèm theo bản án. Với những thiếu sót nêu trên, gây khó khăn cho việc thi hành án.

Do Tòa án sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng như đã phân tích ở trên mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục, cần hủy bản án sơ thẩm để đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử và quyền kháng cáo của các đương sự. Đồng thời, chưa có cơ sở để xem xét những nội dung kháng cáo của bà Lộc Thị N và bà Lộc Thị P.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Những nội dung kháng cáo của các đương sự xem xét, giải quyết khi vụ án được thụ lý, giải quyết lại ở cấp sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, tuy nhiên đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có tên nêu trên.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật đối với vụ án trên là chia tài sản chung, chia di sản thừa kế, nghĩa vụ thanh toán nợ chung theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là đúng quy định của pháp luật.

[3] Trong vụ án trên, bà Lộc Thị P có tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Quá trình giải quyết vụ án, bà Lộc Thị P trình bày là người dân tộc, không nghe, nói được tiếng phổ thông và tại các biên bản lấy lời khai ngày 21/6/2019 và 27/8/2019, bà Lộc Thị P đều yêu cầu Tòa án cử người phiên dịch nhưng trong biên bản lấy lời khai không thể hiện có sự tham gia của người phiên dịch. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 28/11/2019, bà Lộc Thị P có mặt và tại Biên bản phiên tòa có lời khai của bà nhưng trong Bản án không thể hiện có người phiên dịch tiếng dân tộc cho bà. Như vậy là vi phạm quy định tại Điều 20 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Năm 2011, ông Hoàng Văn S chết không để lại di chúc, theo quy định tại Điều 615, 658 Bộ luật Dân sự năm 2015 cần xác định nghĩa vụ của người chết để lại là các khoản chi phí cho việc mai táng, sau khi trừ đi phần còn lại chia theo pháp luật. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không xác minh rõ về nội dung này.

[5] Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã xác định 05 thửa đất rừng gồm: Rừng L1 (đương sự gọi là Rừng N1); rừng L3 (đương sự gọi là Rừng L1); Rừng L2 (đương sự gọi là Rừng N); Rừng P (đương sự gọi là rừng P); Rừng T, qua đối chiếu trên bản đồ địa chính đất lâm nghiệp có sự chồng lấn sang đất của những người giáp ranh liền kề gồm các hộ Phạm Thị M, Triệu Văn B, Triệu Văn L, Triệu Thị L, Dương Thị P. Tại các bút lục 199, 401, 402, 404, 406, những người trên có đơn xin từ chối tham gia tố tụng tuy nhiên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, cấp sơ thẩm không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vi phạm tố tụng quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của các bà, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Hoàng Văn S chung sống với bà Lộc Thị N từ năm 1995 đến ngày 13/11/2002 đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Ông bà sinh được 03 người con gái là Hoàng Thị L, sinh năm 1995; Hoàng Thị H, sinh năm 1996; Hoàng Thị Kim O, sinh năm 1998. Trước đó, ông Hoàng Văn S đã có vợ và hai người con riêng là Hoàng Thị N, sinh năm 1987; Hoàng Văn T, sinh năm 1989. Năm 2011, ông Hoàng Văn S qua đời, không để lại di chúc. Ngày 18/3/2019, bà Lộc Thị N khởi kiện Tòa án yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế và nghĩa vụ thanh toán nợ chung.

[7] Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau một số thửa đất sau: Thửa đất ở số 300, tờ bản đồ số 58; Thửa đất trồng cây lâu năm số 299, tờ bản đồ số 58, diện tích 377m²; Thửa đất trồng lúa số 280, tờ bản đồ số 58, diện tích 437m²; thửa đất số 281, tờ bản đồ số 58, diện tích 761m²; thửa đất số 308, tờ bản đồ số 58, diện tích 391m²; thửa đất số: 05, tờ bản đồ số 68, diện tích

283m²; thửa đất số 06, tờ bản đồ số 68, diện tích 682m²; thửa đất số 03 tờ bản đồ số 68, diện tích 159m²; thửa đất số 172, tờ bản đồ số 67, diện tích 191m²; thửa đất số 183, tờ bản đồ số 67, có diện tích 779m²; thửa đất số 186, tờ bản đồ số 67, diện tích 508m²; thửa đất số 111, tờ bản đồ số 67, diện tích 161m²; thửa đất số 131, tờ bản đồ số 67, diện tích 234m²; Thửa đất trồng cây hàng năm số 208, tờ bản đồ số 58, diện tích 756m²; thửa đất số 209, tờ bản đồ số 58, diện tích 103m²; thửa đất số 240, tờ bản đồ số 58, diện tích 442m²; thửa đất số 165, tờ bản đồ số 67, diện tích 63m²; thửa đất số 166, tờ bản đồ số 67, diện tích 58m²; thửa đất số 185, tờ bản đồ số 67, diện tích 47m²; thửa đất số 306, tờ bản đồ số 58, diện tích 123m²; thửa đất số 86, tờ bản đồ số 67, diện tích 241m²; thửa đất số 93, tờ bản đồ số 67, diện tích 67m²; thửa đất số 110, tờ bản đồ số 67, diện tích 158m²; thửa đất số 164, tờ bản đồ số 67, diện tích 45m²; thửa đất số 163, tờ bản đồ số 58, diện tích 416m²; thửa đất số 224, tờ bản đồ số 67, diện tích 111m²; thửa đất số 208, tờ bản đồ số 67, diện tích 145m²; thửa đất số 223, tờ bản đồ số 67, diện tích 145m²; Rừng L1 (đương sự gọi là Rừng N1); Rừng L2 (đương sự gọi là Rừng N); Rừng P (đương sự gọi là rừng Pàn Khẩu Hầy); Rừng T; Rừng P1. Đối với các thửa đất còn lại không thỏa thuận được nên đề nghị Tòa án chia theo pháp luật. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[8] Đối với thửa đất ở số 300, tờ bản đồ số 58, có diện tích: 406,0 m², tại thôn N xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn S từ năm 2000, cấp lại cho hộ ông Hoàng Văn S và Lộc Thị N vào ngày 02 tháng 11 năm 2012. Cấp sơ thẩm tuyên cho anh Hoàng Văn T được quản lý sử dụng diện tích đất 106m² và các tài sản trên đất gồm: Nhà số một nhà ở chính, nhà hai tầng xây bằng gạch chỉ, sân bê tông sau nhà chính, một phần sân bê tông trước nhà chính; nhà tắm, bậc tam cấp lên nhà tắm. Bà Lộc Thị N được quản lý sử dụng diện tích đất 256m² và các tài sản trên đất gồm: Nhà ở số hai nhà cấp bốn xây bằng gạch nung, nhà kho, nhà tắm, giếng nước, chuồng gà, một phần sân phía trước. Tuy nhiên còn diện tích 44m² thuộc thửa đất số 300, cấp sơ thẩm chưa tuyên cho ai quản lý sử dụng và theo sơ họa phát hành kèm theo bản án, không thể hiện cụ thể các điểm mốc giới chia nên rất khó trong việc thi hành án, như vậy là có thiếu sót, không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm.

[9] Đối với 07 thửa đất rừng, cấp sơ thẩm nhận định những thửa đất trên đều quy chủ tên ông Hoàng Văn S nhưng không thu thập tài liệu của cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai để xác định về nguồn gốc các thửa đất trên là của ông Hoàng Minh P, bà Lộc Thị P để lại hay là tài sản chung của ông Hoàng Văn S, bà Lộc Thị N trong thời kỳ hôn nhân. Cấp sơ thẩm tuyên giao cho anh Hoàng Văn T được quản lý sử dụng Rừng L1 (đương sự gọi là Rừng N1); Rừng L2 (đương sự gọi là Rừng N); Rừng P (đương sự gọi là rừng P); Rừng T; Rừng P1; rừng tại L3 (đương sự gọi là L); tuyên cho bà Lộc Thị N được quản lý sử dụng rừng L3 (đương sự gọi là L1) là không có căn cứ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự, không đảm bảo quyền lợi cho hàng thừa kế theo pháp luật. Đối với đất rừng tại L3 (đương sự gọi là L), thuộc thửa đất số 652, tờ bản đồ số 03, diện tích 16.806m², cấp sơ thẩm yêu cầu anh Hoàng Văn T phải trả cho bà Lộc

Thị N 21.000.000 đồng tiền trồng 300 cây thông trên đất và 27.900.000 đồng tiền công sức đóng góp quản lý, chăm sóc rừng từ năm 2011 đến nay là không có cơ sở. Cấp sơ thẩm đã tính hai lần cho bà Lộc Thị N là không đảm bảo quyền lợi cho anh Hoàng Văn T và các hàng thừa kế theo quy định của pháp luật.

[10] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lộc Thị N còn xuất trình cho Tòa án Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O249410 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp cho ông Hoàng Văn S ngày 14/11/2000 đối với diện tích 8000m² thuộc thửa đất 575, tờ bản đồ số 01 tại xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (bút lục 20); Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến thửa đất trên và chưa làm rõ yêu cầu của bà Lộc Thị N có yêu cầu chia thửa đất trên hay không. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lộc Thị N cho rằng thửa đất trên là thửa đất rừng L3, còn anh Hoàng Văn T cho rằng đó là thửa đất Rừng P1, nội dung này có mâu thuẫn về địa danh, diện tích đất rừng cũng như nguồn gốc thửa đất mà cấp phúc thẩm không thể làm rõ tại phiên tòa.

[11] Đồng thời, bà Lộc Thị N còn yêu cầu chia tài sản chung là 03 thửa đất ruộng diện tích khoảng 04 sào mà bà và ông Hoàng Văn S tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân theo Văn tự nhượng bán ruộng ngày 29/4/2004 thể hiện đất mua là thửa 362 có diện tích 647m² xứ ruộng N (tại bút lục 319). Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh thu thập chứng cứ làm rõ tài sản này hiện nay ở đâu, ai là người đang quản lý, sử dụng, có phải là tài sản do ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N tạo lập trước đó hay không.

[12] Chị Hoàng Thị B là con gái của ông Hoàng Minh P và bà Lộc Thị P, cấp sơ thẩm xác định chị Hoàng Thị B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng trong hồ sơ không có bản tự khai, biên bản lấy lời khai thể hiện quan điểm của Hoàng Thị B. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Hoàng Thị B trình bày do chị không được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập tham gia, có ý kiến việc giải quyết vụ án nên ảnh hưởng đến quyền lợi của chị và chị yêu cầu được chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với khối di sản trên.

[13] Từ những sai phạm trên, Hội đồng xét xử thấy không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án, đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử; Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xử hủy bản án dân sự phúc thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn, chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật, yêu cầu kháng cáo cũng như các yêu cầu khác của các đương sự đã được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[14] Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận

[15] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xem xét giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm

[16] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do bản án sơ thẩm bị cấp phúc thẩm hủy nên bà Lộc Thị N, bà Lộc Thị P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310; khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm lại theo thủ tục chung.

2. Về chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm được xem xét lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Lộc Thị N, bà Lộc Thị P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Lộc Thị N 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/05685 ngày 26/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng KTNV& THA;
- TAND huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện L, T.Lạng Sơn;
- Các đương sự; người BVQL của đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tuệ